

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 05-7-2022

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngôn Ngọc Viên

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Như

Ông Nông Hà Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền -Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Mùi M - sinh năm 1990. Có mặt

Địa chỉ: Xóm K, xã ML, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Lý Kiềm C - sinh năm 1988. Có mặt

Địa chỉ: Xóm K, xã ML, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lý Đào P – sinh năm 1971. Có mặt

2. Bà Lý Mùi PN – sinh năm 1968. Có mặt

3. Anh Lý Kiềm L – sinh năm 1993. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: Xóm K, xã ML, huyện N, tỉnh Cao Bằng.

4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lý Kiềm C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M kết hôn với anh C từ ngày 06/9/2012, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 11/2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh C không tu chí làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không được. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị M khai, hai vợ chồng có một con chung tên là Lý Mùi D, sinh ngày 25/4/2008. Hiện nay, cháu D đang sống cùng chị M. Sau khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, hai vợ chồng có mua một mảnh đất và dựng một ngôi nhà gỗ. Hiện nay, anh C đang sống trong ngôi nhà đó. Sau khi ly hôn, chị M để lại nhà và đất cho anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lý Kiềm C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, được sự cho phép của hai bên gia đình, anh C đến nhà chị M ở rể theo phong tục của người Dao. Ngày 06/9/2012, chị M và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì chị M đi làm thuê ở Trung Quốc nhưng bị bắt nên cuối năm 2018 mới được thả về nước. Năm 2019 chị M lại tiếp tục đi làm công nhân ở các khu công nghiệp đến tháng 4/2021 mới về nhà. Khi trở về, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và chị M nhiều lần đòi ly hôn. Anh C không đồng ý ly hôn với chị M. Nếu chị M cương quyết yêu cầu ly hôn thì phải đền bù cho anh C 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) trong 16 năm anh C về làm rể nhà chị M.

Về con chung: Anh C xác nhận hai vợ chồng có một con chung như lời khai của chị M. Sau khi ly hôn, anh C yêu cầu được nuôi cháu D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Năm 2015, vợ chồng anh C, chị M mua được đất và làm nhà ở riêng. Nhà và đất chị M để lại cho anh C nên anh C không có ý kiến gì. Anh C yêu cầu được chia ruộng đất mà bố mẹ chị M đã chia cho hai vợ chồng

để làm ăn. Tuy nhiên, sau hòa giải, anh C rút yêu cầu chia ruộng đất và yêu cầu chị M trả cho anh C 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) trong 16 năm anh C về làm rể nhà chị M.

Các khoản nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2022 cháu Lý Mùi D có nguyện vọng được sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Sau khi thụ lý đơn phản tố của anh C đối với yêu cầu chia ruộng đất, ông Lý Đào P và bà Lý Mùi PN là bố mẹ đẻ của chị M đồng ý chia ruộng đất cho anh C nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con trai là Lý Kiềm L thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh T. Đồng thời, ông PN có yêu cầu độc lập, yêu cầu anh C trả cho ông PN 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) mà anh C đã vay của ông PN. Sau hòa giải, ông C bà PN thay đổi ý kiến, không chia ruộng đất cho anh C và ông P rút toàn bộ yêu cầu độc lập, không yêu cầu anh C phải trả cho ông P số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Anh Lý Kiềm L đồng ý tất toán khoản vay tại Ngân hàng để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà PN trong trường hợp ông P và bà PN chia ruộng đất cho anh C.

Ngân hàng yêu cầu ông P tất toán khoản vay tại Ngân hàng, sau khi tất toán khoản vay, ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P để ông P thực hiện quyền định đoạt tài sản của mình.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Mùi M được ly hôn với anh Lý Kiềm C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36 QS 01 do Ủy ban nhân dân xã ML cấp ngày 06/9/2012 giữa chị Lý Mùi M và anh Lý Kiềm Chiêu không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Mùi D, sinh ngày 25/4/2008 cho chị Lý Mùi M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bác yêu cầu của anh C đối với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) mà anh C yêu cầu chị M thanh toán tiền công chăm sóc cháu D.

3. Về chia tài sản: Bác yêu cầu của anh C đối với khoản tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) mà anh C yêu cầu chị M thanh toán trong thời gian 16 năm anh C ở rể nhà chị M.

4. Nợ chung: Không có

5. Vấn đề khác: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu độc lập của ông Lý Đào P yêu cầu anh C phải trả cho ông P số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 5 năm 2022, bị đơn Lý Kiềm C có đơn kháng cáo không nhất trí về phần chia tài sản đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Lý Kiềm C giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu nguyên đơn chị Lý Mùi M phải thanh toán số tiền 115.000.00đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) trong 16 năm về ở rể nhà chị M cho anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS, bác kháng cáo của bị đơn Lý Kiềm C, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn Lý Mùi M và bị đơn Lý Kiềm C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn Lý Kiềm C trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát

triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N, tỉnh Cao Bằng trong quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm và phúc thẩm có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Lý Kiềm C:

Tại đơn kháng cáo, bị đơn Lý Kiềm C không đồng ý với phần chia tài sản chung của Tòa án cấp sơ thẩm, anh yêu cầu chị M phải trả cho anh số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) là tiền anh ở rể nhà chị M trong 16 năm.

Hội đồng xét xử xét thấy, năm 2006 anh C về ở rể nhà chị M theo phong tục tập quán tại địa phương, tuy nhiên việc kết hôn giữa anh Lý Kiềm C và chị Lý Mùi M vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị M, anh C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào lời khai cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, quá trình hai vợ chồng chị M anh C chung sống với nhau, chị M là người gánh vác về mặt kinh tế cho cuộc sống vợ chồng, thường xuyên phải xa nhà đi làm việc, do đó với trọng trách là người chồng anh C có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với gia đình, với con chung. Mặt khác, anh C tự nguyện về làm rể nhà chị M, mà không bị ai ép buộc. Chị M cũng đã nhất trí để lại nhà và đất là tài sản chung của hai vợ chồng cho anh C quản lý sử dụng. Do vậy, đối với yêu cầu đòi 115.000.000đ tiền công ở rể trong 16 năm ở rể của anh C không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên của anh C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tỉnh Cao bằng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh Lý Kiềm C được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Lý Kiềm C. Giữ nguyên quyết định bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21/4/2022

của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cao Bằng.

Về án phí: Chị Lý Mùi M, anh Lý Kiềm C và ông Lý Đào P được miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS huyện N;
- TAND huyện N;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngôn Ngọc Viên